TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: **17**/2025/HSST
Ngày: 20-02-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy T**.
Các Hội thẩm nhân dân: bà **Trần Thị Quế**.
bà **Hồ Thị H Liên.**

Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quang Vũ** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thanh Lĩnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 N 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 23/01/2025, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 07/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn N ,** tên gọi khác không, sinh N 1970 tại Tiền Giang; Nơi cư trú: tổ 11, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: nguyên Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ Đam B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: K; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Lê Văn Đ, sinh N 1929 (đã chết); Con bà Nguyễn Thị K, sinh N 1941 (đã chết). Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ, con: Ứng Thị Thúy, sinh N 1973, hiện thường trú tại tổ 11, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh N 1997, nhỏ nhất sinh N 2004; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L từ ngày 19/7/2023 cho đến nay.

"Bị cáo có mặt tại phiên tòa".

2. Họ và tên: **Đường Hòa B**, tên gọi khác không, sinh N 1977, tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: số 133/11 Bùi Thị Xuân, phường 1, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ; Nghề nghiệp: nguyên phó Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ Đam B ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: K; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Đường Khắc N, sinh N 1957 (đã chết); Con bà Lương Thị Q, sinh N 1956, hiện thường trú tại thôn Hòa B, xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Vợ, con: Lê Thị

Thìn, sinh N 1976, hiện thường trú tại phường 1, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh N 2007, nhỏ nhất sinh N 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường 1, T phố Bảo Lộc từ ngày 27/02/2023 cho đến nay.

"Bị cáo có mặt tại phiên tòa".

3. Họ và tên: **Nguyễn M T**, tên gọi khác không, sinh N 1986 tại Hòa B; Nơi cư trú: thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng kỹ thuật ban quản lý rừng phòng hộ Đam B ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: K; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Nguyễn Văn T, sinh N 1960; Con bà Phạm Thị A, sinh N 1965. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Vợ, con: Phan Thị Kim Anh, sinh N 1986, hiện thường trú tại thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh N 2014, nhỏ nhất sinh N 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Lộc Nam, huyện Bảo L từ ngày 13/7/2023 cho đến nay.

"Bị cáo có mặt tại phiên tòa".

+ Bị đơn dân sự: **Ban quản lý rừng phòng hộ Đam B**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn M Cảnh**, chức vụ Trưởng ban. Có mặt

Địa chỉ: thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **San Kim C**, sinh N 1982.

Địa chỉ: số 22 Bùi Thị Xuân, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2. Ông **Nguyễn Duy M**, sinh N 1968

Địa chỉ: số 29 Tô Hiệu, phường Lộc S, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. vắng mặt

3. Ông **Đoàn Hải S**, sinh N 1976

Địa chỉ: số 04 Mê Linh, phường Phước Tiến, T phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh N 1972

Địa chỉ: số 27A Tô Hiệu, phường Lộc S, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. vắng mặt

5. Ông **K' C**, sinh N 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 2, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

6. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh N 1951.

Địa chỉ: số 127A/5 Lam S, phường Lộc S, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

7. Ông **Đỗ Quang T**, sinh N 1950. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 8, xã Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

8. Ông **Lê Đ**, sinh N 1953. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

9. Bà **Ka P**, sinh N 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 2, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

10. Ông **Đỗ Viết Tĩnh**, sinh N 1965. Có mặt

Địa chỉ: thôn 1, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

11. Ông **Trần Nc Chánh**, sinh N 1957.

Địa chỉ: 46/40/06 đường Nguyễn Thị Nhuần, phường Thạch Lộc, quận 12, T phố Hồ Chí M. Vắng mặt

12. Ông **K' Hem**, sinh N 1959. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 2, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

13. Ông **Nguyễn Quang Huy**, sinh N 1974.

Địa chỉ: 131A Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc S, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

14. Ông **Nguyễn Công Quân**, sinh N 1963. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 02, xã Đam B, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

15. Ông **Dương Phú Hải**, sinh N 1969. Có mặt

Địa chỉ: số 56/8 Lý ThA Tổ, phường 2, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/04/2006, Ban quản lý rừng Bảo L đã lập hợp đồng khoán trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính Phủ và bàn giao hiện trường đất giao khoán tại tiểu khu 491, xã Lộc Nam cho 07 hộ dân nhận khoán gồm K' C, Đỗ Viết Tĩnh, Nguyễn Thị H, Lê Đ, Nguyễn Thị T, Ka P, Đỗ Quang T. Tại điểm c khoản 01 điều 2 của các hợp đồng giao khoán nêu trách nhiệm của Bên giao khoán (Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB) phải "xây dựng các phương án ăn Ca sản phẩm theo quy định hiện hành của Nhà nước". Cụ thể, theo quy định của Q định số 178/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quyền lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp và Văn bản số 2354/UB ngày 30/5/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phương án khoán rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình cá nhân có sự tham gia của cộng đồng để hưởng lợi từ rừng theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg thì Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB phải thu phần hưởng lợi 5% đối với sản lượng gỗ trồng khi khai thác. Tuy nhiên, thực tế diện tích đất giao khoán không được giao cho 07 hộ dân trên mà được giao lại cho ông Nguyễn Duy M, sinh N 1964, NKTT: 29 Tô Hiệu, phường Lộc S, T phố Bảo Lộc là giám đốc Công ty TNHH Phương M. Sau khi nhận được hiện trường đất giao khoán, ông M lại hợp tác với ông Trần Vĩ Đường, sinh N 1956 (đã chết vào N 2018) để ông Đường trồng keo trên diện tích đất giao khoán này. Đến N 2014, ông Trần Vĩ Đường giao lại cho bà San Kim C, sinh N 1982, NKTT: Số 22 Bùi Thị Xuân, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (con dâu của ông Đường) diện

tích đất giao khoán trên để đầu tư, quản lý. Hằng N, Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB có kiểm tra ghi nhận việc trồng keo trên diện tích đất này.

Vào tháng 11/2016, bà San Kim C bán lại toàn bộ số cây keo đang trồng trên diện tích giao khoán hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg trên cho ông Đoàn Hải S, sinh N 1976, NKTT: Số 04 Mê Linh, phường Phước Tiến, T phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, diện tích hai bên thống nhất là khoảng 45 héc ta với giá 4.500.000.000 đồng, việc khai thác bắt đầu từ N 2017 và kết thúc vào N 2018.

Nguyễn Văn N lúc này là Trưởng ban của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB, sau khi nhận được đơn về việc khai thác keo trên diện tích giao khoán hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg đã bút phê vào đơn khai thác của các hộ dân với nội dung *"- TB. A B; - PKT (lưu gốc); - Trạm Nam T (theo dõi)"*. Đường Hòa B lúc này là Phó trưởng ban của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB, được phân công lãnh đạo quản lý trực tiếp đối với việc giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ –TTg tại tiểu khu 491 thuộc thôn 05, xã Lộc Nam, có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, chỉ đạo cấp dưới, tham mưu cho cấp trên trong việc quản lý khu vực đất giao khoán biết việc khai thác keo trên diện tích giao khoán hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg nhưng không chỉ đạo cấp dưới và không tham mưu cho Nguyễn Văn N để tiến hành thu tiền hưởng lợi theo quy định. Nguyễn M T lúc này là người giữ chức vụ Trưởng Phòng kỹ thuật của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB. Tại Q định số 05/QĐ-BQLR ngày 24/02/2016 của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB quy định chức năng của phòng là "tham mưu cho lãnh đạo Ban và thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật và quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và nhiệm vụ liên quan khác. Tại Biên bản họp phân công nhiệm vụ tháng 02/2017 và T báo về việc phân công nhiệm vụ ngày 03/4/2017 xác định nhiệm vụ của Nguyễn M T là phụ trách chung và trực tiếp theo dõi địa bàn các trạm Nam T (Lộc Nam và Lộc T) trong công tác giao khoán hưởng lợi của Chính phủ tuy nhiên không tham mưu cho lãnh đạo về việc tiến hành thu hưởng lợi từ việc khai thác keo của bà San Kim C. Nguyễn Văn N, Đường Hòa B và Nguyễn M T đều có trách nhiệm trong việc thu hưởng lợi theo Nghị định số 178. Tuy nhiên, Nguyễn Văn N, Đường Hòa B đã không chỉ đạo, Nguyễn M T đã không tham mưu thu phần hưởng lợi 5% đối với sản lượng keo khai thác, tương ứng với số tiền 225.000.000 đồng để nộp về Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB gây thiệt hại 225.000.000 đồng.

Tại văn bản số 2825/SNN – KL ngày 29/11/2022 của Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng xác định:

"Căn cứ điểm d khoản 6 Mục III Phần II Phương án đính kèm Văn bản số 2354/UB ngày 30/5/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phương án khoán rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân có sự tham gia của cộng đồng để hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg, quy định đối với nhận khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng sản xuất: "Khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác, bên nhận khoán thống nhất với bên giao khoán về thời điểm và phương thức khai thác:

+ Nếu nhận khoán rừng đã trồng bằng vốn Nhà nước: giá trị lâm sản khai thác sau khi C trả các C phí thiết kế, khai thác và nộp thuế, được phân Ca như sau: cứ mỗi N nhận khoán, bên nhận khoán được hưởng 2%, cộng đồng được hưởng 1%, số còn lại nộp bên giao khoán.

+ Nếu nhận khoán đất trống để tự bỏ vốn đầu tư toàn bộ từ khâu trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng: Bên nhận khoán được hưởng 95% giá trị sản phẩm sau khi nộp thuế, C trả các C phí, cộng đồng hưởng 2%, bên giao khoán hưởng 3%."

Khoản 4 Điều 20 Q định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp; quy định "khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác, Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán thống nhất với Bên giao khoán thời điểm và phương thức khai thác:

+ Giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được phân Ca như sau: Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán được hưởng từ 2 - 2,5% cho mỗi N nhận khoán bảo vệ rừng; phần còn lại nộp Bên giao khoán.

+ Nếu hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ thì được hưởng 95% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

+ Nếu Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán cùng đầu tư với Bên giao khoán thì phân phối theo tỷ lệ góp vốn và ngày công lao động của mỗi bên quy T tiền."

Ngoài ra, tại thời điểm N 2017-2018 việc khai thác rừng này thực hiện theo quy định tại Điều 6 T tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản (sửa đổi, bổ sung tại T tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017).

Tại Bản kết luận giám định số 265/KL – KTHS ngày 14/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận các chữ ký và chữ viết trong 06 bản kê lâm sản với nội dung "phòng kỹ thuật theo dõi việc khai thác" là của ông Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại hay tranh luận gì.

Cáo trạng 114/CT-VKSBL ngày 20/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Đường Hòa B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Nguyễn M T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ

Về hình phạt bổ sung: không

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị trả cho Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB số tiền 225.000.000 đồng mà các bị cáo đã nộp bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 07 tập phương án giao khoán trồng rừng hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg tại thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Các biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản làm việc, biên bản kết thúc đối với việc giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ –TTg tại tiểu khu 491 thuộc thôn 05, xã Lộc Nam và hồ sơ giao khoán trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ- CP cho bà Nguyễn Thị H là tài liệu, chứng cứ đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo N, B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo T đề nghị HĐXX miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo L, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo khác tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định:

Nguyễn Văn N nguyên Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ Đam B là người chịu trách nhiệm, lãnh đạo, điều hành ban quản lý rừng phòng hộ Đam B có trách nhiệm thực hiện các chức năng nhiệm vụ do Nhà nước quy định về quản lý và bảo vệ rừng, trong đó có việc quản lý chung đối với các diện tích giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng theo Q định 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính Phủ, khi nhận được bảng kê lâm sản khai thác của 06 hộ dân nhận khoán vào tháng 11/2016. Bị cáo đã phân công phòng kỹ thuật và Trạm Nam T theo dõi việc khai thác và văn thư T báo cho bị cáo B biết và chỉ đạo, tuy nhiên bị cáo đã không phân công, chỉ đạo lập hồ sơ khai thác và thu hưởng

lợi đối với giá trị lâm sản khai thác theo quy định. Bị cáo Đường Hòa B nguyên Phó Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ Đam B quản lý trực tiếp đối với việc giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng theo Q định 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính Phủ không phân công, chỉ đạo lập hồ sơ khai thác và thu hưởng lợi đối với giá trị lâm sản khai thác theo quy định. Bị cáo Nguyễn M T nguyên Trưởng phòng kỹ thuật ban quản lý rừng phòng hộ Đam B nhận được bảng kê lâm sản có bút phê của bị cáo N nội dung "Phòng kỹ thuật theo dõi việc khai thác", là người trực tiếp kiểm tra hiện trường khai thác tại tiểu khu 491 N 2017 nhưng không tham mưu cho lãnh đạo Ban thu hưởng lợi 5% giá trị lâm sản bà San Kim C bán cho ông Đoàn Hải S trên diện tích giao khoán trồng rừng hưởng lợi theo Nghị định số 178 của Chính phủ gây thiệt hại số tiền 225.000.000 đồng.

Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T có đủ yếu tố cấu T tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[03] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân trong hoạt động quản lý Nhà nước do đó cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do thiếu trách nhiệm các bị cáo đã vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn, B thường của Nhà nước về lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, vụ án không có đồng phạm, do thiếu trách nhiệm của từng bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước, song cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo, bị cáo N, B có vai trò ngang nhau là lãnh đạo cần nắm rõ các quy định của pháp luật để lãnh chỉ đạo công việc chuyên môn của mình, bị cáo T có vai trò thấp hơn bị cáo N và B. Do vậy cần phải xử lý các bị cáo tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đoA với loại tội phạm này.

[04] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền gây thiệt hại 225.000.000 đồng. Trong quá trình công tác bị cáo N, B, T có T tích xuất sắc được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện tặng giấy khen, bị cáo T gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó cần áp dụng điểm b,s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo N, B, T.

[05] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[06] Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[7] Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, do đó không cần thiết xử phạt tù giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục theo qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự N 2015 cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[08] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công việc quản lý và bảo vệ rừng đối với các bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng đối với các bị cáo.

[09] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T phải nộp số tiền gây thiệt hại là 225.000.000 đồng để Sung ngân sách nhà nước, các bị cáo đã nộp đủ nên HĐXX cần sung vào Ngân sách nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 07 tập phương án giao khoán trồng rừng hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg tại thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Các biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản làm việc, biên bản kết thúc đối với việc giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ –TTg tại tiểu khu 491 thuộc thôn 05, xã Lộc Nam và hồ sơ giao khoán trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP cho bà Nguyễn Thị H là tài liệu, chứng cứ cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Các vấn đề khác: Trong vụ án, ông Trần Nc Chánh (nguyên Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB từ N 2006 đến N 2008) có hành vi ký hồ sơ để giao khoán đất lâm nghiệp trA phép. Ông K' Hem (nguyên Phó chủ tịch UBND xã Lộc Nam) vào N 2006 có hành vi xác nhận đơn xin nhận khoán cho 03 hộ dân mặc dù biết rõ 03 hộ này không thuộc diện hộ được nhận khoán và làm hồ sơ cho 04 hộ dân là người nhà của Cán bộ UBND xã Lộc Nam để hợp thức hóa hồ sơ giao khoán, ký khống vào biên bản bàn giao hiện trường giao khoán trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ –TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính Phủ tại tiểu khu 491, xã Lộc Nam, huyện Bảo L cho 07 hộ dân. Ông Nguyễn Quang Huy (nguyên là cán bộ phòng Nông nghiệp huyện Bảo L) vào N 2006 được giao nhiệm vụ tham gia kiểm tra, giám sát khi giao khoán đất lâm nghiệp cho 07 hộ dân tại tiểu khu 491, xã Lộc Nam tuy nhiên ông Huy đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, lập biên bản khống khi giao khoán đất lâm nghiệp cho người không đúng đối tượng được giao. Ông Nguyễn Công Quân (cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Bảo L, hiện đã nghỉ hưu) vào N 2006 đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, lập biên bản khống khi giao khoán đất lâm nghiệp không đúng đối tượng được giao. Ông Dương Phú Hải (nguyên đội trưởng đội chuyên trách số 05 của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamB) từ N 2014 đến N 2016 được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao khoán đất lâm nghiệp tại tiểu khu 491, xã Lộc Nam nhưng đã lập khống biên bản kiểm tra hiện trường để đưa vào hồ sơ, dẫn đến việc giao khoán đất lâm nghiệp sai phạm

nhưng không được xử lý kịp thời theo quy định. Hành vi của những đối tượng trên có dấu hiệu của tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ tuy nhiên đến nay thời hiệu xử lý hình sự đã hết do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo L có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Bảo L xem xét trách nhiệm hành chính là có căn cứ.

[12] Về án phí, lệ phí Tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Căn cứ điểm d khoản 1 khoản 4 Điều 360 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18(mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án 20/02/2025.

Xử phạt bị cáo Đường Hòa B 18(mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án 20/02/2025

Xử phạt bị cáo Nguyễn M T 15(mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án 20/02/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, giao bị cáo Đường Hòa B cho UBND phường 01, T phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, giao bị cáo Nguyễn M T cho UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ rừng đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T trong thời hạn 02 N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự: Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 225.000.000 đồng mà các bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T đã nộp tại tài khoản tạm gửi của C cục thi hành án dân sự huyện Bảo L ngày 03/8/2023.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Lưu theo hồ sơ vụ án đối với 07 tập phương án giao khoán trồng rừng hưởng lợi theo Q định số 178/2001/QĐ-TTg tại thôn 5, xã Lộc Nam, huyện Bảo L,

tỉnh Lâm Đồng; Các biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản làm việc, biên bản kết thúc đối với việc giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng hưởng lợi theo Q định 178/QĐ –TTg tại tiểu khu 491 thuộc thôn 05, xã Lộc Nam và hồ sơ giao khoán trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP cho bà Nguyễn Thị H.

5. Về án phí, lệ phí Tòa án: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N, Đường Hòa B, Nguyễn M T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

6. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị đơn dân sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 20/02/2025 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan).

"Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Thúy Thành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng [(2)];
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- C cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị H Liên - Trần Thị Quế Vũ Thị Thúy T